TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 12/7/2019
Về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Viết Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Tú**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quách Thị Tuyết –** Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 24/2016/TLST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2016; thụ lý lại số 06/2017/ TLST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức T – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh H, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Thu H – Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh H, tỉnh N.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hương Q; Địa chỉ: Số 49, đường Trương Đ, phố Trung S, phường T, thành phố N, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Kim B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tống Kim C; Địa chỉ: Số nhà 49, đường T, phố Trung S, phường T,

thành phố Ninh B, tỉnh N.

+ Ông Tống Kim D; Địa chỉ: Tổ 4, phường Trung S, thành phố T, tỉnh N.

+ Ông Tống Kim T; Địa chỉ: Số 14, ngõ 215 đường Tôn Đức T, phường Q,quận Đống Đ, thành phố H.

+ Ông Tống Kim B ; Địa chỉ: Số nhà D4, khu biệt thự liền kề tòa nhà 789 – Bộ quốc phòng, thôn N, xã Mỹ Đ, huyện T, thành phố H.

+ Bà Tống Thị X và ông Vũ Văn L; Địa chỉ: Đường Trịnh T, phố Khánh M, phường Ninh K, thành phố N, tỉnh N.

+ Ông Bùi Trung T và bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 102, đường Trương Hán S, phố Phúc T, phường Phúc T, thành phố Ninh B, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt bà Lê Thị Thu H; Vắng mặt: ÔngTống Kim C, ông Tống Kim D, ông Tống Kim T, bà Tống Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Văn L, ông Bùi Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 05 năm 2016, bản tự khai, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 17/5/2012, giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với công ty TNHH HQ đã ký hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD với số tiền vay là 9.400.000.000 đồng theo phương thức tín dụng hạn mức; thời hạn vay là 12 tháng; thời gian vay được xác định theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay để thi công gói thầu số 01 đường Nguyễn Tất T, thành phố V, tỉnh P và thi công gói thầu số 20, xây dựng cầu mới Đông H, huyện Đông S, tỉnh Thanh H; mức lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời điểm vi phạm hợp đồng là ngày 11/7/2014 đến hạn trả nợ nhưng công ty không trả được nợ nên toàn bộ dư nợ của công ty bị chuyển sang nợ quá hạn. Các tài sản bảo đảm cho số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng là:

+ Máy đào, xúc nhãn hiệu KOMATSU PC 200LC-6LC với giá trị là 644.000.000 đồng bảo đảm cho số tiền vay là 450.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 08/2013 ký ngày 25/11/2013.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 62,2 m^2 tại phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N thể hiện tại thửa số 87, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 020877 do UBND thành phố N cấp ngày 28/6/2004 mang tên ông Tống Kim C, bà Hà Thị N và các tài sản gắn liền với đất, giá trị tài sản là 1.559.800.000 đồng bảo đảm cho số tiền vay là 1.169.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 923B ngày 19/1/2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 120 m^2 tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N thể hiện tại thửa số 200, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 823298 do UBND huyện Gia Viễn cấp ngày 27/4/2006 mang tên ông Tống Kim C bà Hà Thị N, giá trị tài sản lả 600.000.000 đồng bảo đảm cho số tiền vay là

450.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 923A ngày 19/1/2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 133 m^2 tại xã Ninh T, thành phố N, tỉnh N thuộc thửa số 192, tờ bản đồ quy hoạch, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149813 do UBND thành phố N cấp ngày 25/1/2010 mang tên bà Tống Thị X, giá trị tài sản là 665.000.000 đồng, bảo đảm cho số tiền vay là 498.000.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04A ngày 30/6/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012;

+ Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 tại xã Gia l, huyện Gia V, tỉnh N thuộc thửa số 257, tờ bản đồ 06, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145917 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Vũ Văn L giá trị tài sản là 500.000.000 đồng, bảo đảm cho số tiền vay là 375.000.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04B ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 70,4 m^2 tại phường Ninh K, thành phố N, tỉnh N thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 27 PL4, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 644696 do UBND thành phố N cấp ngày 05/11/2010 mang tên ông Vũ Văn L và bà Tống Thị X giá trị tài sản là 1.056.000.000 đồng, bảo đảm cho số tiền vay là 792.000.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110 ngày 04/4/2011 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N thuộc thửa số 256, tờ bản đồ số 06, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145901 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Bùi Trung T giá trị tài sản là 500.000.000 đồng, bảo đảm cho số tiền vay là 375.000.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04C ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc công ty và những người bảo lãnh, thế chấp trả nợ nhưng đến nay công ty TNHH HQ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đề nghị:

Đề nghị Tòa án buộc công ty TNHH HQ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính ngày 30/5/2016 là 1.658.305.556 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2016 là 783.827.778 đồng; Tổng số tiền phải trả đến ngày 30/5/2016 là 8.969.133.133 đồng và lãi phát sinh tiếp theo theo các hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Đề nghị Tòa án cho phát mại các tài sản thế chấp và bảo lãnh là:

+ Máy đào, xúc nhãn hiệu KOMATSU PC 200LC-6LC theo hợp đồng thế chấp số 08/2013 ký ngày 25/11/2013.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 62,2 m^2 tại phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N thể hiện tại thửa số 87, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 020877 do UBND thành phố N cấp ngày 28/6/2004 mang tên ông Tống Kim C bà Hà Thị N và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 923B ngày 19/1/2009 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 120 m^2 tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N thể hiện tại thửa số 200, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 823298 do UBND huyện Gia V cấp ngày 27/4/2006 mang tên ông Tống Kim C bà Hà Thị N theo hợp đồng thế chấp số 923A ngày 19/1/2009 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 133 m^2 tại xã Ninh T, thành phố N, tỉnh N thuộc thửa số 192, tờ bản đồ quy hoạch, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149813 do UBND thành phố N cấp ngày 25/1/2010 mang tên bà Tống Thị X. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04A ngày 30/6/2010 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N thuộc thửa số 257, tờ bản đồ 06, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145917 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Vũ Văn L Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04B ngày 26/10/2010 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 70,4 m^2 tại phường Ninh K, thành phố N, tỉnh N thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 27 PL4, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 644696 do UBND thành phố N cấp ngày 05/11/2010 mang tên Vũ Văn L và Tống Thị X. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110 ngày 04/4/2011 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N thuộc thửa số 256, tờ bản đồ số 06, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145901 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên Bùi Trung T Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04C ngày 26/10/2010 kèm theo Phụ lục Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

Tại biên bản làm việc ngày 08/8/2018, ông Tống Kim B trình bày:

Trong quá trình kinh doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn HQ có vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thực hiện tại chi nhánh H. Hai bên có giao kết hợp đồng tín dụng số 3308-LAV201100348 ngày 17/5/2012, với số tiền vay là 9.400.000.000 đồng, theo hạn mức tín dụng; Thời hạn vay vốn là 12 tháng. Mục đích vay vốn để thi công gói thầu 01 từ cọc Km 00=00 đến km 1+863 đường Nguyễn Tất T (E1-E6) thành phố Việt T, tỉnh Phú T và thi công gói thầu số 20 xây dựng cầu mới Đồng H thuộc dự án hệ thống tiêu úng Đông S, Thanh H. Sau

khi giao kết hợp đồng, phía ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 9.400.000.000 đồng và thế chấp tài sản như đơn khởi kiện của ngân hàng nông nghiệp Việt nam trình bày.

Trong quá trình kinh doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn HQ đã gặp rất nhiều khó khăn do tiền công trình nợ đọng lớn nên không thể trả nợ gốc và lãi suất cho phía ngân hàng theo thỏa thuận được. Sau đó, phía Ngân hàng nông nghiệp đã thực hiện việc khởi kiện đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty trách nhiệm hữu hạn HQ đã phối hợp với phía ngân hàng nông nghiệp bán tài sản là nhà và quyền sử dụng đất với diện tích là 62,2 m^2 tại phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N tại thửa số 87, tờ bản đồ số 22; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 020877 do UBND thị xã Ni cấp ngày 28/6/2004 mang tên ông Tống Kim C và bà Hà Thị N và thanh toán được số tiền nợ gốc 1.315.000.000 đồng.

Hiện tại công ty trách nhiệm hữu hạn HQ còn nợ ngân hàng khoảng 5.185.000.000 đồng.

Nay công ty HQ đề nghị Tòa án và phía ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty HQ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bán các tài sản đã thế chấp để lấy tiền trả nợ cho ngân hàng; đồng thời đề nghị phía ngân hàng hạ mức lãi suất và giảm một phần tiền lãi suất cho công ty HQ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tống Kim C, ông Tống Kim D, ông Tống Kim T, bà Tống Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Văn L, ông Bùi Trung T không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, công ty TNHH HQ đã thanh toán tiền nợ gốc đối với khoản vay được bảo đảm bằng nhà và quyền sử dụng đất với diện tích là 62,2 m^2 thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 22 phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N. Nên Ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản này. Đến thời điểm xét xử (ngày 12/7/2019), công ty TNHH HQ còn nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc là 5.184.853.000 đồng; tiền lãi là 6.125.785.058 đồng .Đề nghị Tòa án buộc công ty TNHH HQ phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2019 và lãi phát sinh tiếp theo đến khi thực hiện xong toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp mà các bên đã giao kết để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

- Ông Tống Kim B, ông Tống Kim C, ông Tống Kim D, ông Tống Kim T, bà Tống Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trung T, ông Vũ Văn L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa án và

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ thực hiện đầy đủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 342, 343, 351, 355, 361, 362, 363, 366, 369, 471, 474, 476 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 BLDS năm 2005; Điều 91, 95 – Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 244 BLTTDS 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện H, tỉnh N đối với Công ty TNHH HQ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng":

Buộc Công ty TNHH HQ phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện H, tỉnh N số tiền nợ tính đến ngày 12/7/2019 là 11.310.638.058 đồng, trong đó: nợ gốc là 5.184.853.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.122.784.483 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.003.000.575 đồng. Công ty TNHH HQ phải trả lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD (3308LAV201100348) từ ngày 13/7/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH HQ chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyệnH, tỉnh N thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: 01 máy đào, xúc nhãn hiệu KOMATSU PC200-6LC, số khung: BA82221, số máy: 454334855 thuộc sở hữu của Công ty TNHH HQ; Quyền sử dụng đất diện tích 120m^2 tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 06 theo GCNQSDĐ số AB823298 do UBND huyện Gia V cấp ngày 27/4/2006 mang tên ông Tống Kim C và bà Hà Thị N có địa chỉ tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N; Quyền sử dụng đất diện tích 133m^2 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ quy hoạch theo GCNQSDĐ số AQ149813 do UBND thành phố N cấp ngày 25/01/2010 mang tên bà Tống Thị X có địa chỉ tại xã Ninh T, thành phố N; Quyền sử dụng đất diện tích 100m^2 tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06 theo GCNQSDĐ số AC145917 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Vũ Văn L có địa chỉ tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N; Quyền sử dụng đất diện tích 70,4m^2 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 27PL4 (nay là thửa số 101, tờ bản đồ số 23) theo GCNQSDĐ số BC644696 do UBND thành phố N cấp ngày 05/11/2010 mang tên ông Vũ Văn L và bà Tống Thị X có địa chỉ tại phường N, thành phố N; Quyền sử dụng đất diện tích 100m2 tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06 theo GCNQSDĐ số AC145901 do huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Bùi Trung T có địa chỉ tại xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N.

- Về chi phí giám định: nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định, Công ty TNHH HQ phải chịu chi phí giám định là 14.240.000 đồng. Công ty TNHH HQ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyệnH, tỉnh N không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty TNHH HQ phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn lại cho Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH HQ có địa chỉ trụ sở tại số 49, đường Trương Đ, phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N. Giữa công ty TNHH HQ và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thực hiện khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình là phù hợp với Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 ; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 27 tháng 10 năm 2017 đại diện ông Tống Kim B, ông Tống Kim C, ông Tống Kim D,ông Tống Kim T, bà Tống Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Văn L, ông Bùi Trung T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 16/01/2019 bà Lê Thị Thu H là người được ủy quyền lại của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới của bà Tống Thị X, Ông Vũ Văn L và ông Tống Kim C. Căn cứ Điều 235 và điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 12 tháng 7 năm 2019, Tống Kim B, ông Tống Kim C, ông Tống Kim D, ông Tống Kim T, bà Tống Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Văn L, ông Bùi Trung T tiếp tục vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Qua quá trình thu thập chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, kết luận giám định và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 17/5/2012, giữa đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với đại diện công ty TNHH HQ đã giao kết hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD với nội dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho công ty TNHH HQ vay số tiền là 9.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời gian vay được xác định theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để thi công gói thầu số 01 đường Nguyễn Tất T, thành phố Việt T, tỉnh Phú T và thi công gói thầu số

20, xây dựng cầu mới Đông H, huyện Đông S, tỉnh Thanh H, mức lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ. Sau khi giao kết hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho phía công ty TNHH HQ tổng số tiền là 9.400.000.000 đồng (cụ thể là giấy nhận nợ ngày 16/05/2013). Để đảm bảo cho các khoản vay thì phía công ty TNHH HQ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã giao kết các hợp đồng thế chấp, bảo lãnh các tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 08/2013 ngày 25/11/2013 thế chấp tài sản là máy đào, xúc nhãn hiệu KOMATSU PC 200LC-6LC, tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty TNHH HQ; bảo đảm cho số tiền vay là 450.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 923B ngày 19/1/2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012. thế chấp tài sản là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 62,2 m^2 thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 22 tại phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 020877 do UBND thành phố N cấp ngày 28/6/2004. Tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tống Kim C bà Hà Thị N; bảo đảm cho số tiền vay là 1.169.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 923A ngày 19/1/2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012, thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 6, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 823298 do UBND huyện Gia V cấp ngày 27/4/2006. Tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Tống Kim C bà Hà Thị N; bảo đảm cho số tiền vay là 450.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04A ngày 30/6/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012, thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 133 m^2 thuộc thửa số 192, tờ bản đồ quy hoạch, xã Ninh T, thành phố N, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149813 do UBND thành phố N cấp ngày 25/1/2010. Tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Văn L và bà Tống Thị X bảo đảm cho số tiền vay là 498.000.000đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04B ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 thuộc thửa số 257, tờ bản đồ 06, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145917 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007. Tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Văn L và bà Tống Thị X; bảo đảm cho số tiền vay là 375.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 110 ngày 04/4/2011 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012,tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 70,4 m^2 thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 27 PL4, phường Ninh K, thành phố N, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BC 644696 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 05/11/2010. Tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Văn L và bà Tống Thị X; bảo đảm cho số tiền vay là 792.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04C ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 thuộc thửa số 256, tờ bản đồ số 06, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145901 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007. Tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Trung T và bà Nguyễn Thị L; bảo đảm cho số tiền vay là 375.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD ngày 17/5/2012 giữa ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với công ty TNHH HQ được giao kết trên tinh thần tự nguyện; hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật; không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao kết đúng thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty TNHH HQ đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thời điểm vi phạm là ngày 11/7/2014. Do vậy, toàn bộ dư nợ của công ty TNHH HQ đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 05 năm 2016, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc công ty TNHH HQ phải trả số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/05/2016 là 2.469.133.334 đồng; Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, công ty HQ đã trả được số tiền nợ gốc là 1.315.147.000 đồng và giải chấp được tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số 49, đường Trương Đ, phố Trung S, phường Thanh B, thành phố N, tỉnh N. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc công ty TNHH HQ phải trả số tiền nợ gốc là 5.184.853.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/07/2019 là 6.125.785.058 đồng và lãi phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định công ty TNHH HQ còn nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 5.184.853.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/07/2019 là 6.125.785.058 đồng. Xét thấy, cần buộc công ty TNHH HQ phải trả ngay cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc là 5.184.853.000 đồng, lãi tính đến ngày 12/07/2019 là 6.125.785.058 đồng và lãi phát sinh tiếp theo.

Đối với các hợp đồng thế chấp tài sản: Gồm hợp đồng thế chấp số 08/2013 ngày 25/11/2013, hợp đồng thế chấp số 923A ngày 19/1/2009, hợp đồng thế chấp số 923B ngày 19/1/2009, hợp đồng thế chấp tài sản số 04A ngày 30/6/2010, hợp đồng thế chấp tài sản số 04B ngày 26/10/2010, hợp đồng thế chấp tài sản số 110 ngày 04/4/2011, hợp đồng thế chấp tài sản số 04C ngày 26/10/2010, các hợp đồng được

giao kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, người tham gia giao kết đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng luật định. Do vậy, các hợp đồng thế chấp là hợp pháp và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Khi công ty TNHH HQ không thực hiện được việc trả nợ cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, do đại diện công ty TNHH HQ không đến Tòa án làm việc nên ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã đề nghị trưng cầu giám định đối với chữ ký của ông Tống Kim Bình tại hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD ngày 17/5/2012 và nộp tạm ứng chi phí giám định là 14.240.000 đồng. Tại bản kết luận giám định số 46 ngày 15/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh N đã kết luận: " Chữ ký mang tên giám đốc Tống Kim B dưới mục (Đại diện bên B) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1,A2, A3, A4. Dưới mục người vay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5,A6,A7 so với chữ ký của Tống Kim B dưới mục (bên được thế chấp) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, dưới mục (Bên được thế chấp) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M7 do cùng một người viết ký ra.", như vậy kết quả giám định đã chứng minh yêu cầu của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là có căn cứ.

Do đó Công ty TNHH HQ phải có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – chi nhánh huyệnH tỉnh N tiền chi phí giám định là 14.240.000 đồng .

[5] Về án phí: Công ty TNHH HQ phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được chấp nhận, cụ thể là: 119.310.000 đồng.

Trả lại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, 74, 147, 161, 162, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 110, 280, 281, 290, 342, 343, 344, 351, 355, 361, 362, 363, 366, 369, 471, 474, 476 , 478, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Nghị định 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên và

môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn HQ.

- Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn HQ phải trả cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 11.310.638.058 đồng làm tròn 11.310.638.000 đồng (Mười một tỷ ba trăm mười triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn); trong đó, nợ gốc là 5.184.853.000 đồng (Năm tỷ một trăm tám mươi tư triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng chẵn), tính đến ngày12/07/2019 nợ lãi là 6.125.785.000 đồng (Sáu tỷ một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn)

Kể từ ngày 13/07/2019, công ty trách nhiệm hữu hạn HQ tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 206/HĐTD ngày 17/5/2012 giữa ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với công ty trách nhiệm hữu hạn HQ.

2. Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn HQ phải trả cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng chi phí giám định là 14.240.000 đồng(mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

3. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn HQ không trả hoặc trả không đủ cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam các khoản nợ gốc, lãi thì ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Máy đào, xúc nhãn hiệu KOMATSU PC 200LC-6LC theo hợp đồng thế chấp số 08/2013 ngày 25/11/2013.

- Quyền sử dụng diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 6, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 823298 do UBND huyện Gia V cấp ngày 27/4/2006 mang tên ông Tống Kim C bà Hà Thị N theo hợp đồng thế chấp số 923A ngày 19/1/2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 133 m^2 thuộc thửa số 192, tờ bản đồ quy hoạch, xã Ninh T, thành phố N, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149813 do UBND thành phố N cấp ngày 25/1/2010 mang tên bà Tống Thị X theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04A ngày 30/6/2010. 2009 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 thuộc thửa số 257, tờ bản đồ 06, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145917 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Vũ Văn L theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04B ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 70,4 m^2 thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 27 PL4(nay làthửa số 101, tờ bản đồ số 23 bản đồ chỉnh lý năm 2010), phường N, thành phố N, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 644696 do UBND thành phố N cấp ngày 05/11/2010 mang tên ông Vũ Văn L và bà Tống Thị X theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110 ngày 04/4/2011 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 100 m^2 thuộc thửa số 256, tờ bản đồ số 06, xã Gia L, huyện Gia V, tỉnh N, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 145901 do UBND huyện Gia V cấp ngày 30/11/2007 mang tên ông Bùi Trung T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04C ngày 26/10/2010 kèm theo phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản (Thế chấp tài sản của bên thứ 3) ngày 17/05/2012.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên đã thế chấp, nếu còn thiếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì công ty trách nhiệm hữu hạn HQ phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn HQ phải nộp số tiền là 119.310.000 đồng (Một trăm mười chín triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn). Trả lại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 58.484.000đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn) là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000120 ngày 21 tháng 06 năm 2016 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 12 tháng 07 năm 2019; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKS ND TP.Ninh Bình;
- Chi cục THA DS TP.Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Viết Hoàng